GB		
分區	代號	人數
大埔	TP	8
屯門	TM	7
何文田	HMT	5
沙田	ST	3
柴灣	CW	6
荃灣	TW	7
灣仔	WC	5
觀塘	KT	7
	總數	48

女B賽事
第一階段 - 分組循環：2023-12-02(六)
第二階段 - 淘汰賽　：2023-12-02(六)

每小組首名出線

女B-第1組	
1	楊雅樂 CW
2	黃煒桐 TW
3	余齡 KT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB01-1	2-Dec	12:00	黃煒桐 TW	vs	余齡 KT
2	1-3	GB01-2	2-Dec	12:20	楊雅樂 CW	vs	余齡 KT
3	1-2	GB01-3	2-Dec	12:40	楊雅樂 CW	vs	黃煒桐 TW

女B-第2組	
1	萬芊希 TP
2	周鈺涵 TM
3	許琬宜 KT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB02-1	2-Dec	12:00	周鈺涵 TM	vs	許琬宜 KT
2	1-3	GB02-2	2-Dec	12:20	萬芊希 TP	vs	許琬宜 KT
3	1-2	GB02-3	2-Dec	12:40	萬芊希 TP	vs	周鈺涵 TM

女B-第3組	
1	鄧欣翹 KT
2	吳苑鈺 TP
3	陳芷瑩 WC
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB03-1	2-Dec	12:00	吳苑鈺 TP	vs	陳芷瑩 WC
2	1-3	GB03-2	2-Dec	12:20	鄧欣翹 KT	vs	陳芷瑩 WC
3	1-2	GB03-3	2-Dec	12:40	鄧欣翹 KT	vs	吳苑鈺 TP

女B-第4組	
1	譚芷嫣 CW
2	郭盈 KT
3	梁靖彤 TW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB04-1	2-Dec	12:00	郭盈 KT	vs	梁靖彤 TW
2	1-3	GB04-2	2-Dec	12:20	譚芷嫣 CW	vs	梁靖彤 TW
3	1-2	GB04-3	2-Dec	12:40	譚芷嫣 CW	vs	郭盈 KT

女B-第5組	
1	林采熹 KT
2	譚芍瑤 TP
3	蔡沛恩 CW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB05-1	2-Dec	12:00	譚芍瑤 TP	vs	蔡沛恩 CW
2	1-3	GB05-2	2-Dec	12:20	林采熹 KT	vs	蔡沛恩 CW
3	1-2	GB05-3	2-Dec	12:40	林采熹 KT	vs	譚芍瑤 TP

女B-第6組	
1	盧樂兒 TW
2	黎悅喬 CW
3	陳沛枏 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB06-1	2-Dec	12:00	黎悅喬 CW	vs	陳沛枏 ST
2	1-3	GB06-2	2-Dec	12:20	盧樂兒 TW	vs	陳沛枏 ST
3	1-2	GB06-3	2-Dec	12:40	盧樂兒 TW	vs	黎悅喬 CW

女B-第7組	
1	劉芷瑜 TP
2	金若楠 WC
3	曾穎悠 TW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB07-1	2-Dec	12:00	金若楠 WC	vs	曾穎悠 TW
2	1-3	GB07-2	2-Dec	12:20	劉芷瑜 TP	vs	曾穎悠 TW
3	1-2	GB07-3	2-Dec	12:40	劉芷瑜 TP	vs	金若楠 WC

女B-第8組	
1	林永臻 HMT
2	喬心怡 WC
3	方雪瑩 KT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB08-1	2-Dec	12:00	喬心怡 WC	vs	方雪瑩 KT
2	1-3	GB08-2	2-Dec	12:20	林永臻 HMT	vs	方雪瑩 KT
3	1-2	GB08-3	2-Dec	12:40	林永臻 HMT	vs	喬心怡 WC

女B-第9組	
1	梁嘉怡 ST
2	陳明妡 HMT
3	楊茵喬 TP
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB09-1	2-Dec	12:00	陳明妡 HMT	vs	楊茵喬 TP
2	1-3	GB09-2	2-Dec	12:20	梁嘉怡 ST	vs	楊茵喬 TP
3	1-2	GB09-3	2-Dec	12:40	梁嘉怡 ST	vs	陳明妡 HMT

女B-第10組	
1	洪舜妍 HMT
2	張懿德 KT
3	呂宛蓄 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB10-1	2-Dec	12:00	張懿德 KT	vs	呂宛蓄 ST
2	1-3	GB10-2	2-Dec	12:20	洪舜妍 HMT	vs	呂宛蓄 ST
3	1-2	GB10-3	2-Dec	12:40	洪舜妍 HMT	vs	張懿德 KT

女B-第11組	
1	劉珮霖 TP
2	吳小小 TM
3	余嘉穎 CW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB11-1	2-Dec	12:00	吳小小 TM	vs	余嘉穎 CW
2	1-3	GB11-2	2-Dec	12:20	劉珮霖 TP	vs	余嘉穎 CW
3	1-2	GB11-3	2-Dec	12:40	劉珮霖 TP	vs	吳小小 TM

女B-第12組	
1	李溢桐 TM
2	陳凱寶 CW
3	王晞彤 HMT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB12-1	2-Dec	12:00	陳凱寶 CW	vs	王晞彤 HMT
2	1-3	GB12-2	2-Dec	12:20	李溢桐 TM	vs	王晞彤 HMT
3	1-2	GB12-3	2-Dec	12:40	李溢桐 TM	vs	陳凱寶 CW

女B-第13組	
1	沈昕穎 TM
2	江希兒 TP
3	歐愷昕 HMT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB13-1	2-Dec	12:00	江希兒 TP	vs	歐愷昕 HMT
2	1-3	GB13-2	2-Dec	12:20	沈昕穎 TM	vs	歐愷昕 HMT
3	1-2	GB13-3	2-Dec	12:40	沈昕穎 TM	vs	江希兒 TP

女B-第14組	
1	黃煜瞳 WC
2	盧心兒 TW
3	樊梓柔 TM
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB14-1	2-Dec	12:00	盧心兒 TW	vs	樊梓柔 TM
2	1-3	GB14-2	2-Dec	12:20	黃煜瞳 WC	vs	樊梓柔 TM
3	1-2	GB14-3	2-Dec	12:40	黃煜瞳 WC	vs	盧心兒 TW

女B-第15組	
1	張焯茵 TM
2	鄺曉欣 TW
3	黃思行 WC
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB15-1	2-Dec	13:00	鄺曉欣 TW	vs	黃思行 WC
2	1-3	GB15-2	2-Dec	13:20	張焯茵 TM	vs	黃思行 WC
3	1-2	GB15-3	2-Dec	13:40	張焯茵 TM	vs	鄺曉欣 TW

【女B分組賽程】

女B-第16組	
1	錢海淳 TW
2	陳珈瑩 TP
3	譚紀晴 TM
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	GB16-1	2-Dec	13:00	陳珈瑩 TP	vs	譚紀晴 TM
2	1-3	GB16-2	2-Dec	13:20	錢海淳 TW	vs	譚紀晴 TM
3	1-2	GB16-3	2-Dec	13:40	錢海淳 TW	vs	陳珈瑩 TP